

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NP
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2022/HS-ST**
Ngày 28 - 9 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Hý và ông Khoàng Văn Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Np.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Np, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Np, tỉnh Điện Biên; mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HS ngày 27/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HS ngày 09/9/2022 đối với bị cáo:

Sùng A C, Sinh năm: 1995 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản S 2, xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sùng A Súa, đã chết và bà: Giàng Thị Say, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là Phàng Thị Vàng; Sinh năm: 1996 và 04 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến nay, tại nhà tạm giữ của Công an huyện Np, có mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thu Huyền là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo quyết định cử người đại diện số 81a/2022/QĐ- UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np:

Ông Vàng Văn Chuyên, chức vụ: Chủ tịch UBND xã S, huyện Np, vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Giàng A Lệnh, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã S, Trưởng ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy, quản lý, bảo vệ rừng của xã S, huyện Np, vắng mặt;

+ Ông Quảng Văn Thông, chức vụ: Kiểm Lâm viên địa bàn, Phó Trưởng ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy, quản lý, bảo vệ rừng của xã S, huyện Np, có mặt.

***Người làm chứng:**

+ Phàng Thị Váng; Sinh năm: 1996;

+ Sùng A Di; Sinh năm: 1979;

+ Vàng A Chung; sinh năm: 2000;

Cùng trú tại: Bản S 2, xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12 năm 2021 Sùng A C do không có đất để canh tác làm nương nên C đã cùng với vợ là Phàng Thị Váng mỗi người cầm theo một con dao quắm đi lên khu rừng thuộc Tiểu khu 414B1, khoảnh 4, được quy hoạch là rừng phòng hộ theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, hiện đang do giao cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên quản lý, bảo vệ. Sùng A C đã nói với Phàng Thị Váng đây là nương cũ của gia đình C đã được chính quyền địa phương cho phép được làm nương, sau đó C và Váng dùng dao quắm mang theo chặt phá những cây gỗ nhỏ và thảm thực vật ở phía dưới những cây gỗ lớn, được hai ngày thì bị tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã S do ông Giàng A Lệnh phó chủ tịch xã và ông Vàng A Chanh Công an xã S đến ngăn chặn, yêu cầu không được chặt phá rừng nữa C cùng với vợ quay về nhà. Khoảng 01 tuần sau C một mình sử dụng máy cưa xăng cầm tay và dao quắm lên khu vực rừng để tiếp tục chặt phá toàn bộ những cây gỗ to. Trong vòng ba ngày thì chặt phá xong diện tích 4.624,26 m², gây thiệt hại 8.398.600 đồng. Đến ngày 16/01/2022 trong thời gian C đợi cây khô để đốt thì bị Kiểm lâm phụ trách địa bàn phát hiện, ngày 17/01/2022 Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np đã ra Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với Sùng A C.

Vị trí, tiêu chuẩn, quy hoạch rừng: Là rừng tự nhiên, nằm trong khu vực quy hoạch rừng phòng hộ, tại tiểu khu 414B1 khoảnh 4, theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thuộc sự quản lý, bảo vệ của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên, (kết luận giám định số 02/KL-GĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 của giám định viên tư pháp – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên).

Ngày 17/02/2022 Hạt Kiểm lâm huyện Np đã phối hợp với Công an huyện Np, Viện kiểm sát huyện Np và Đoàn biên phòng S, Ủy ban nhân dân xã Nà Cô Sa tổ chức khám nghiệm, đo đạc hiện trường khu vực rừng bị C hủy hoại. Kết quả khám nghiệm hiện trường đã xác định diện tích rừng bị hủy hoại là 4.624,26 m². Cây gỗ các loại từ nhóm V đến nhóm VIII, Khối lượng gỗ tròn bị chặt hạ là 3,866 m³, củi tận thu 4,444 m³ tại tiểu khu 414B1 khoảnh 4, theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm

2030, thuộc sự quản lý, bảo vệ của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên.

Ngày 31/3/2022 Hạt Kiểm lâm huyện Np đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hủy hoại rừng đối với tin báo về tội phạm như trên và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Np theo thẩm quyền.

Đối với con dao quắm và chiếc máy cưa xăng cầm tay mà C khai sau khi dùng để chặt phá rừng, C mang về cất giữ tại nhà ở bản S 2, xã S nhưng quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Np, kết luận: Gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 3,866 m³ có giá 7.732.000đồng; củi tận thu 4,444 m³, có giá 666.600 đồng; Tổng tài sản đã định giá: tiền 8.398.600 đồng.

Bị cáo Sùng A C đã tự nguyện tác động gia đình nộp tổng số tiền 8.398.600 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra;

Tại bản cáo trạng số 34/CT-KSNP ngày 25/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Np, tỉnh Điện Biên truy tố bị can Sùng A C về tội hủy hoại rừng theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Sùng A C mức án tù 27 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội Hủy hoại rừng. Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác. Không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Sùng A C phải bồi thường thiệt hại về gỗ rừng cho Nhà nước trị giá bằng tiền là 8.398.600 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình nộp đủ số tiền 8.398.600 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nên không đề nghị xem xét phân trách nhiệm dân sự.

Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo C nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và án phí. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C phạm tội lần đầu, thực hiện hành vi phạm tội do bản thân thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình nộp toàn bộ tiền bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ với mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Miễn khấu trừ thu nhập do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn; giao bị cáo C cho chính quyền địa phương giám sát,

giáo dục, tạo điều kiện để bị cáo được cải tạo tại địa phương để tiếp tục cùng vợ chăm sóc con nhỏ, mẹ già và các em nhỏ; Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của Sùng A C. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo qui định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt, yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền Hội đồng định giá về tài sản đã xác định. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Sùng A C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa và không tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về sự vắng mặt của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa. Xét thấy người làm chứng, đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Đại diện nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Sùng A C đã thành khẩn khai nhận hành vi hủy hoại rừng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Sùng A C đã có hành vi chặt phá rừng gây thiệt hại về diện tích là 4.624,26 m² rừng phòng hộ. Gây thiệt hại về gỗ rừng là 3,866 m³ gỗ tròn, 4,444 m³ củi tận thu, có tổng giá trị là 8.398.600 đồng tại tiểu khu 414B1 khoảnh 4, thuộc sự quản lý, bảo vệ của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên. Hành vi của Sùng A C đã phạm vào tội: Hủy hoại rừng, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 7.000 mét vuông (m²)”.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của Sùng A C thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây thiệt hại về diện tích là 4.764,62 m² rừng phòng hộ, về gỗ rừng là 3,866 m³ gỗ tròn, 4,444 m³ củ tận thu, có tổng giá trị là 8.398.600 đồng, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Np. Bị cáo C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật. Với mục đích kinh tế, muốn lấy đất để làm nương bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm giữ vững kỷ cương của pháp luật và răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường sinh thái và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[4] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Từ nhỏ được học đến lớp 7/12, do hiểu biết pháp luật hạn chế, thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã có hành vi phạm tội trong vụ án này. Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tự nguyện tích cực tác động với gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả với số tiền là 8.398.600 đồng. Tích cực khai báo giúp Cơ quan điều tra phát hiện, điều tra ra một số vụ án khác. Đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Sùng A C có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do đó xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, nhưng vẫn cần phải giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo C hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ sức răn đe và cải tạo đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy loại và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét bị cáo có nghề nghiệp là làm ruộng nương, có thu nhập thấp, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội, bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C theo Điều 50, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự; xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh của bị cáo quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ với mức thấp nhất do Kiểm sát viên đề nghị, cần được xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 4 Điều 243 Bộ luật tố tụng hình sự, xét quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa Hội đồng xét

xử thấy bị cáo Sùng A C là nông dân lao động, nguồn thu nhập không có gì ngoài ngô và lúa, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Sùng A C đã gây thiệt hại về rừng thuộc sở hữu Nhà nước, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo C phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước. Tổng giá trị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là 8.398.600 đồng, gia đình bị cáo đã nộp số tiền 8.398.600 đồng để khắc phục hậu quả theo biên lai nộp tiền số 0002822 ngày 21/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Np. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với các vật chứng là một con dao quắm và một chiếc máy cưa xăng bị cáo đã sử dụng vào việc chặt phá rừng, bị cáo C đã mang về nhà, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được; Đối với vật chứng là gỗ rừng bị chặt phá gồm: 3,866m³ gỗ tròn, 4,444m³ củi tận thu, các loại gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII bị hủy hoại trên diện tích 4.764,62m², sau khi khám nghiệm hiện trường do không thể thu giữ, vận chuyển được, các cơ quan chức năng không tiến hành thu giữ mà để lại tại hiện trường giao cho Ủy ban nhân dân xã S quản lý và để tự phân hủy tái tạo lại môi trường nên không cần xem xét xử lý.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Np, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Np, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, xét thấy bị cáo Sùng A C là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định.

[12] Các vấn đề khác: Đối với ông Giàng A Lénh, phó chủ tịch UBND xã S và ông Quảng Văn Thông Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã S, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, ông Giàng A Lénh và ông Quảng Văn Thông mặc dù đã có biện pháp tuyên truyền, ngăn chặn hành vi hủy hoại rừng của bị

cáo, nhưng chưa quyết liệt nên dễ xảy ra hậu quả là hành vi hủy hoại rừng của bị cáo, tuy nhiên chưa đến mức truy cứu hình sự.

Đối với Phàng Thị Váng vợ của bị cáo đã cùng với bị cáo C chặt phá những cây gỗ nhỏ và thảm thực vật quá trình điều tra xét thấy hành vi của Phàng Thị Váng không cấu thành tội phạm nên không đặt vấn đề xử lý trong vụ án này.

Hội đồng xét xử kiến nghị UBND xã S và Hạt kiểm lâm huyện Np cần có biện pháp và tăng cường công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ diện tích đất rừng đã được quy hoạch, thực hiện công tác giao đất giao rừng cụ thể, rõ ràng tới người dân, cấm biển cấm để hạn chế tình trạng tội phạm về môi trường rừng gia tăng trên địa bàn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 36; và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 328, Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Sùng A C phạm tội: Hủy hoại rừng.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Sùng A C 27 (*Hai mươi bảy*) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giam cho bị cáo Sùng A C từ ngày 14/6/2022 đến ngày 20/9/2022 là 03 (*Ba*) tháng 09 (*Chín*) ngày (cứ 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ là 09 (*Chín*) tháng 27 (*Hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ, theo khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự), bị cáo Sùng A C còn phải thi hành tiếp 17 (*Mười bảy*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Tuyên giao bị cáo Sùng A C cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên quản lý, giám sát trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S, huyện Np, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải chấp hành các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 99 và Điều 100 của Luật thi hành án hình sự đối với người thi hành án cải tạo không giam giữ.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Sùng A C, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác theo khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ

biện pháp tạm giam số 68/HSST-QĐTG ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Np, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Sùng A C.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Sùng A C đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước với số tiền là 8.398.600đ (Tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số 0002822 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Np, tỉnh Điện Biên. Bị cáo đã thi hành xong trách nhiệm bồi thường dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Sùng A C được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án: 20/9/2022.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- CQĐT Công an huyện Np;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Np;
- CQTHAHS huyện Np;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- PC 81 CA tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Np;
- Chi cục THADS huyện Np;
- Hạt Kiểm lâm huyện Np;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án; HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vàng Thị Dưa

